

# HỆ HÌNH CHUYỂN ĐỘNG ĐỊA CHÍNH TRỊ VÀ LỰA CHỌN CỦA VIỆT NAM SAU KẾT THÚC CHIẾN TRANH LẠNH

LƯƠNG VĂN KẾ<sup>(\*)</sup>

Các diễn biến vô cùng phức tạp của nền chính trị thế giới và kéo theo đó là sự dịch chuyển của các trật tự địa chính trị đòi hỏi chúng ta nhìn nhận tình hình quốc tế dưới một góc nhìn lý thuyết địa chính trị mới, làm cho bức tranh diễn biến phức tạp đó trở nên dễ hình dung, dễ hiểu, phản ánh những quy tắc địa chính trị khách quan nhất định. Trên cơ sở các nhận thức rõ ràng hơn về quy luật địa chính trị, các bên liên quan, đặc biệt là Việt Nam, có thể tìm ra những đối sách liên minh liên kết và đối trọng phù hợp nhằm giữ vững và phát huy vị thế địa chính trị của Việt Nam trong khu vực Đông Á nói riêng và trên thế giới nói chung.

Bài viết này đưa ra hai khái niệm lý thuyết mới về sự chuyển động của các tương quan địa chính trị và phân tích sự xoay trục của Việt Nam từ khi Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu sụp đổ, đó là *Hệ hình phương hoá* (Lateral Paradigm): đơn phương - song phương - đa phương và *Hệ hình cực hoá* (Polary Paradigm): đơn cực - lưỡng cực - đa cực<sup>(\*\*)</sup>. Cơ sở của hai khái niệm này là sự liên kết các khái niệm trong lý thuyết quan hệ quốc tế hiện đại như quan hệ song phương, đa phương và

các khái niệm trật tự đơn cực, hai cực được đặt dưới góc nhìn cấu trúc luận (structuralist view).

Việc phân tích nội dung không chỉ dừng lại ở các tương tác bên trong từng hệ hình, mà còn phải nghiên cứu tương quan và tương tác giữa hai hệ hình đó với nhau. Mục tiêu cuối cùng của sự chuyển hoá đó là “cực hoá” hay quyền lực hoá vị thế quốc gia trong trật tự địa chính trị toàn cầu hay khu vực. Với mục tiêu nói trên, bài viết này sẽ phân tích ba khía cạnh sau đây:

- Các khái niệm hệ hình *phương hoá* và *cực hoá*
- Khả năng tương hợp giữa hai hệ hình *phương hoá* và *cực hoá*
- Sự xoay trục của Việt Nam trong các hệ hình chuyển động địa chính trị sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh (1991).

---

(\*) TSKH., Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(\*\*) Trong tiếng Anh có hai danh từ đồng nghĩa để diễn đạt ‘cực’ là *arch* hoặc *polar*. Ở đây tác giả chọn danh từ *polar* tương ứng với khái niệm ‘cực’ của tiếng Việt, bởi vì danh từ *arch* thường dùng cho phân bố quyền lực bên trong quốc gia, ví dụ nói Poliarchy: Đa nguyên.

## I. Hai khái niệm của hệ hình chuyển động địa chính trị

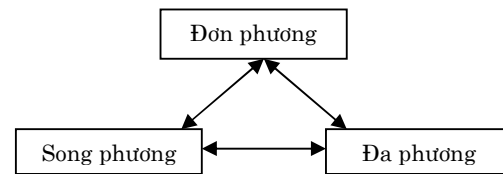
Địa chính trị quan tâm chủ yếu đến vấn đề sức mạnh quốc gia, giữ gìn bảo vệ chủ quyền, an ninh lãnh thổ và phát huy vị thế của quốc gia trên địa cầu. Nó càng đặc biệt quan tâm đến các quá trình liên kết và xung đột quốc tế liên quan đến các khía cạnh địa lý. Các nhà nghiên cứu địa chính trị Trung Quốc gần đây xác quyết rằng, lối ra cho vấn đề an ninh quốc gia, nhất là các cường quốc, chính là phải từ các *học thuyết địa chính trị siêu việt*. Họ cho rằng sở dĩ như vậy là vì bảo vệ an ninh quốc gia trước hết là bảo đảm sao cho các công dân, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia không bị xâm phạm [1, 111]. Các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc, các cường quốc châu Âu và Nga trong khi nghiên cứu chính sách an ninh quốc gia đều xuất phát từ nghiên cứu các mối tương tác giữa vị trí địa lý, chính trị quốc tế và lịch sử. Lý luận về quyền lực đại dương và quyền lực lục địa cũng đều là cách nhìn địa chính trị đối với quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, trong giải quyết các xung đột quốc tế, phải kết hợp cả lý thuyết quan hệ quốc tế lẫn lý thuyết địa chính trị, không được xem nhẹ mặt nào.

Trong nghiên cứu địa chính trị với tư cách phân tích sự tương tác giữa chính trị và không gian địa lý có một nội dung quan trọng là phân tích cục diện chính trị và an ninh ở các khu vực quan yếu của thế giới, trong đó nổi lên vị trí và tương quan của các cường quốc như là các lõi quyền lực địa lý (pivot area power). Các mối tương tác giữa các thế lực địa chính trị, mặt khác, đã tạo ra các hệ hình tương tác giữa các chủ thể quốc gia và tạo ra trật tự quyền lực với các cực khác nhau. Chúng ta có thể khái

quát các kiểu tương tác và trật tự địa chính trị thành hai hệ hình: hệ hình đơn phương - song phương - đa phương, và hệ hình đơn cực - hai cực - đa cực. Giữa hai hệ hình này có mối quan hệ biện chứng với nhau, có khi đồng nhất với nhau, nhưng cũng có khi trái ngược hẳn với nhau.

Hệ hình *phương hóa* biểu thị các phương thức quan hệ quốc tế phổ biến. Còn hệ hình *cực hóa* có phạm vi vận dụng chuyên biệt hơn cho tương quan quyền lực chính trị toàn cầu (global power constellation) trong một thời kỳ nhất định. Khi đề cập đến tranh chấp biển Đông, do tính phức tạp của nó, hiển nhiên các khái niệm của cả hai hệ hình quan hệ quốc tế nói trên đều được vận dụng thường xuyên, nhất là các khái niệm thuộc hệ hình đầu tiên, nhưng nhiều khi chứa đựng sự mơ hồ, lẫn lộn trong tư duy và nhận thức. Do đó các hệ hình phương hóa và cực hóa về địa chính trị sẽ góp phần làm sáng tỏ toàn bộ thực chất của các hình thái liên kết và xung đột quốc tế, chẳng hạn vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển Đông và tương tác giữa các thế lực liên quan.

### 1. Hệ hình phương hóa: đơn phương, song phương, đa phương



(Các mũi tên biểu thị khả năng chuyển hóa giữa các trạng huống)

Hệ hình phương hóa biểu thị cách thức can dự và quan hệ tương tác của các quốc gia vào một tổ chức hay một vấn đề quốc tế nào đó. Ngoài các chủ thể cơ bản là quốc gia ra, thì các tổ chức

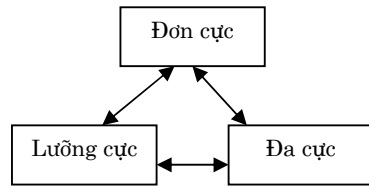
khu vực, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, thậm chí là các cá nhân trong giới tinh hoa cũng có thể là các chủ thể của hệ hình phương hóa này. Quan hệ tương tác ở đây có thể là hợp tác, đối thoại mang tính xây dựng; nhưng cũng có thể là mâu thuẫn, tranh chấp và xung đột. Khi nói *đơn phương* là nhắc đến hành vi chỉ xuất phát từ một chủ thể, một bên nào đó xung quanh vấn đề liên quan đến một hay nhiều chủ thể khác, mà không có sự hưởng ứng của các chủ thể đó. Trái lại, khi nói *song phương* là nhắc đến sự tham gia của cả hai chủ thể đối tác vào một vấn đề hay sự kiện nào đó liên quan đến lợi ích của cả hai bên. Tính chất *đa phương* tương tự như tính song phương, chỉ khác nhau ở chỗ không chỉ có hai chủ thể, hai bên, mà là vấn đề cần giải quyết liên quan đến 3 chủ thể hay nhiều hơn. Tổ chức Liên Hợp Quốc (UN) và Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) là những tổ chức đa phương lớn nhất thế giới mà thành viên của các tổ chức này là các chính phủ quốc gia. Còn các tổ chức khu vực như Tổ chức Hiệp ước phòng thủ Bắc Đại Tây Dương (NATO), Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), Liên minh châu Âu (EU),... là tổ chức hợp tác đa phương hay đa quốc gia. Vấn đề hạt nhân của CHDCND Triều Tiên và Iran, tranh chấp chủ quyền trên biển Đông, là những vấn đề quốc tế đa phương. Tuy nhiên, trên thực tế, quan hệ quốc tế, nhiều khi một vấn đề trên hình thức là đa phương, nhưng trên thực chất chỉ là song phương, chẳng hạn cuộc đàm phán về chương trình hạt nhân của Iran thực chất là cuộc thương lượng song phương giữa một bên là “đương sự” Iran và bên kia là nhóm các cường quốc P5+1 (5

nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và Đức). Tính chất song phương và kéo theo đó là tính chất lưỡng cực của vấn đề hạt nhân của Iran đã được Liên Hợp Quốc xác định ngay từ đầu, nhưng do nội bộ nhóm P5+1 không phải là một khối nhất trí về mục tiêu và có quan hệ phức tạp với Iran, nên tính chất phân cực của cuộc đàm phán này khá phức tạp. Vấn đề chương trình hạt nhân của CHDCND Triều Tiên lại còn phức tạp hơn nhiều. Nó có thể vừa là vấn đề đa phương (do đa lợi ích) vừa mang tính song phương (vì được phân tuyến thành 2 nhóm chính: nhóm bảo trợ cho CHDCND Triều Tiên do Trung Quốc chi phối và nhóm chống lại CHDCND Triều Tiên do Mỹ cầm đầu). Hiệp định Genève năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Paris về chiến tranh Việt Nam (1968-1973) đều mang tính hai mặt tương tự.

Về mặt phương pháp luận biện chứng, vấn đề đặt ra ở hệ hình phương hóa là xem xét sự biến chuyển giữa các hình thái đơn phương, song phương và đa phương diễn ra như thế nào? Trên góc độ lý thuyết, sơ đồ tam giác giữa ba hình thái của hệ hình phương hóa tạo ra 6 khả năng chuyển hóa lẫn nhau như sau:

- Đơn phương > song phương > đa phương
- Đơn phương > đa phương > song phương
- Song phương > đơn phương > đa phương
- Song phương > đa phương > đơn phương
- Đa phương > đơn phương > song phương
- Đa phương > song phương > đơn phương

2. Hệ hình cực hóa: đơn cực, lưỡng cực, đa cực



(Các mũi tên biểu thị khả năng chuyển hóa giữa các trạng huống)

Hệ hình cực hóa biểu thị tương quan đối trọng về sức mạnh địa chính trị giữa các thế lực quốc tế, theo đó bản đồ địa chính trị của bề mặt trái đất hay một khu vực được phân chia thành một, hai hay nhiều cụm/khối quốc gia có ranh giới ngoài rõ rệt; trong mỗi khối đều có một thế lực hay một vài quốc gia đóng vai trò trung tâm có chức năng như một đỉnh quy tụ mọi chủ thể quốc gia khác, tạo thành một thế lực có chung mục tiêu đối trọng với các thế lực khác ngoài khu vực nhằm bảo vệ lợi ích của khối trong trật tự quyền lực quốc tế. Như vậy, có thể nói hệ hình “cực” chủ yếu liên quan đến quyền lực, sức mạnh, vị thế của quốc gia và tổ chức khu vực trong trật tự quyền lực ở phạm vi toàn cầu. Vì thế người ta nói đến trật tự hai cực kể từ sau Chiến tranh thế giới II đến năm 1990. Trật tự lưỡng cực đó bao gồm hai cực chủ chốt là khối XHCN do Liên Xô cũ đứng đầu và bên kia là khối TBCN do Mỹ đứng đầu. Trật tự lưỡng cực này chỉ kết thúc với sự sụp đổ của Liên Xô năm 1991.

Nhìn lại những chuyển biến của quan hệ quốc tế xuyên suốt lịch sử loài người từ khi hình thành nhà nước, người ta thấy rằng thoát đầu thế giới là một bức tranh đa dạng, đa trung tâm, giữa các khu vực ít có sự giao lưu tương tác, mà mỗi khu vực dường như là một

thế giới tách biệt, chưa có tương tác giữa các khu vực ở cấp độ toàn cầu. Trong thế giới tiền toàn cầu hóa đó chưa xuất hiện cái gọi là trật tự đa cực, mà chỉ là thế giới đa cực mà thôi. Nhưng sau đó, do các xã hội phát triển trong những điều kiện địa lý và bối cảnh quốc tế khác nhau, ở mỗi khu vực có một số quốc gia phát triển mạnh mẽ hơn, giàu có về tài nguyên, vật lực, nhân tài, nổi lên như cường quốc chi phối cả khu vực. Đồng thời, giữa các khu vực đã phát sinh các quan hệ giao lưu, tương tác, đặc biệt là từ khi hình thành thị trường TBCN và phát hiện ra châu Mỹ, tức mở đầu kỷ nguyên toàn cầu hóa kinh tế ở cuối thế kỷ XV - đầu thế kỷ XVI. Địa chính trị thế giới khi đó là trật tự đa cực, các thế lực khu vực này kình địch nhau trên con đường chinh phục cả thế giới.

Về sự chuyển hóa ở hệ hình quyền lực, tương tự như trong tiếp cận hệ hình phương hóa đơn phương - song phương - đa phương, ở đây chúng ta cần làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa ba hình thái đơn cực, lưỡng cực và đa cực với nhau. Tương tự trong hệ hình phương hóa, sẽ có 6 kiểu thức chuyển hóa trật tự quyền lực như sau:

- Đơn cực > lưỡng cực > đa cực
- Đơn cực > đa cực > lưỡng cực
- Lưỡng cực > đơn cực > đa cực
- Lưỡng cực > đa cực > đơn cực
- Đa cực > đơn cực > lưỡng cực
- Đa cực > lưỡng cực > đơn cực

## II. Tương hợp giữa hai hệ hình phương hóa và cực hoá

Có thể hình dung mối quan hệ giữa hai hệ hình nói trên là quan hệ giữa hai bình diện bên trong và bên ngoài, giữa bề mặt và bề sâu, giữa hình thức và nội dung. Nếu như hệ hình phương hóa thể

hiện cái tương quan bên ngoài, hình thức dễ quan sát được thì *hệ hình cực hóa* hàm ý những tương quan bên trong, nội dung, thực chất giữa các chủ thể dựa trên thực lực. Vì thế, giữa hai hệ hình có khi có sự nhất trí, nhưng lắm khi không có sự tương ứng như vậy. Sự nhất trí giữa hệ hình phương hoá và hệ hình cực hoá thể hiện rõ rệt trong các tổ chức hợp tác đa phương tự nguyện. Mẫu mực cho sự nhất trí giữa hai hệ hình là tổ chức Liên Hiệp Quốc thành lập tháng 10/1945 theo sáng kiến của các cường quốc thắng trận trong cuộc Chiến tranh thế giới II. Tính chất đa phương - đa cực thể hiện cả ở cấp *Đại hội đồng* (toàn bộ 193 quốc gia thành viên) và cấp *Hội đồng Bảo an* (15 thành viên), thậm chí là cấp hạt nhân quyền lực - *Thường trực Hội đồng Bảo an* (với 5 cường quốc thành viên) [2, 60].

Chúng ta cũng có thể thấy rõ sự bất tương xứng giữa hệ hình *phương hoá* và hệ hình *cực hoá* ở quan hệ giữa hai quốc gia láng giềng nào đó. Trong đó có một cường quốc và bên kia là một nước nhỏ yếu. Trong mỗi quan hệ bất cân xứng này, trên hình thức là quan hệ song phương, bình đẳng nhưng thực chất là mối quan hệ mang tính đơn phương, bất bình đẳng bởi có sự áp đặt của bên có thực lực mạnh hơn. Vì thế quan hệ song phương ở đây không hề mang nghĩa “lưỡng cực” mà chỉ là “đơn cực”. Có khi xung quanh một vấn đề quốc tế nào đó, trên danh nghĩa là đa phương, nhưng thực chất có thể chỉ là đơn cực hoặc lưỡng cực. Vai trò của Mỹ trong khối hiệp ước NATO trong nhiều thời khắc và sự kiện quan trọng thể hiện đặc biệt rõ ràng tính chất đa phương giả hiệu và đơn cực trên thực chất mà chúng ta đề cập ở đây.

Liệu có trường hợp nào ngược lại không? Nghĩa là trên danh nghĩa là *đơn*

*phương* hay song phương nhưng thực chất là *lưỡng cực* hay *đa cực*? Điều đó có thể xảy ra khi khối liên kết đó tiềm ẩn sự rã đám, tự phân cực do không giải quyết được xung đột lợi ích giữa các thành viên với nhau. Trong quan hệ quốc tế đương đại kể từ sau những biến cố 1989-1991, người ta thấy có một vài tổ chức hiệp ước khu vực rơi vào tình huống như vậy. Chẳng hạn, khối Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIC) của không gian hậu Xô Viết do Nga chủ trì. Trong khối này có quốc gia chủ trương gắn bó với nước Nga để tạo đối trọng với phương Tây như Belarus, nhưng có một số quốc gia chủ trương đi với phương Tây, thậm chí sẵn sàng gia nhập NATO, đối thủ của Nga, như Gruzia thậm chí Ukraine dưới thời Tổng thống Yuschenko và một vài quốc gia Trung Á khác. Cũng có quốc gia trong khối giữ lập trường trung lập, không theo cực Nga cũng không ngả theo phương Tây, như một số quốc gia Trung Á Kazakhstan, Azerbaijan, Uzbekistan, Kyrgyzstan. Với một sự phân cực nghiêm trọng đến thế, thì CIC còn đâu sức mạnh với tư cách *một cực* của mình?

### III. Sự xoay trục của Việt Nam trong trật tự địa chính trị sau Chiến tranh Lạnh

Sự tan rã của hệ thống XHCN thế giới, sự chấm dứt Chiến tranh Lạnh và sự sụp đổ của siêu cường Liên Xô vào các năm 1989-1991 đã đánh dấu sự kết thúc của một trật tự thế giới cũ và mở ra một kỷ nguyên mới. Song, đâu là đặc trưng của trật tự thế giới mới thì mặc dù đã hơn hai thập niên trôi qua, câu hỏi đó đến hôm nay vẫn còn nguyên tính thời sự. Sở dĩ thế là vì thế giới địa chính trị vẫn đang chuyển động đầy kịch tính, vẫn đang trên đường đi tìm một trật tự hợp lý giúp cho loài người phát triển ổn định và an toàn. Nhưng vấn đề là ở chỗ

con đường đi đến ổn định đó sẽ kéo dài bao lâu nữa? Việt Nam bị đưa đẩy đến đâu và Việt Nam liệu có quyền lựa chọn một cực nào đó để theo hay không?

Có nhà nghiên cứu cho rằng, “ở một mức độ nhất định, Việt Nam cũng tiếp thu mô hình “nhất siêu đa cường” mà Trung Quốc đưa ra với thâm ý khẳng định vai trò nhất thời (một trong tứ cường) của Trung Quốc và mục tiêu dài hạn của họ (siêu cường). Điều này thể hiện tư duy thế giới của ban lãnh đạo Việt Nam. Với một nước như Việt Nam, cái la bàn “nhất siêu đa cường” có tác dụng gì? Trước hết, so với mô hình “đa cực” mà Việt Nam tin tưởng trong suốt thập niên 1990, thì mô hình “nhất siêu đa cường” đưa Việt Nam đến gần thực tế của thế giới hơn. Song, công thức “nhất siêu đa cường” không cho biết gì về vai trò và vị trí của Việt Nam trên thế giới. Vô hình chung, nó khiến Việt Nam nhìn thế giới theo lăng kính của Trung Quốc và nếu không chú ý thì sẽ đẩy Việt Nam đi theo chiến lược của Trung Quốc” [3].

Tuy nhiên, có thể nói lý thuyết “nhất siêu đa cường” có hạt nhân hợp lý nhất định, khi gắn nó với nội hàm của hệ hình *cực hoá*. Theo đó, thế giới hiện nay, trước hết là khu vực châu Á-Thái Bình Dương đang ở hệ hình chuyển động “*Đơn cực > Đa cực > Luồng cực*” (Mỹ > Mỹ/Nhật - Trung - Nga - Ấn > Mỹ - Trung). Thực tế sự lựa chọn của Việt Nam trong quá trình diễn biến đầy phức tạp của tình hình chính trị thế giới và khu vực từ sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh đến nay cho thấy giới lãnh đạo Việt Nam đã thực hiện những chiến lược đối ngoại mang tính địa chính trị hết sức tinh tế, mềm dẻo. Nhờ đó trên mức độ nào đó có thể thấy Việt Nam đã

xác lập và củng cố được vị thế quốc tế của mình trong khu vực Đông Nam Á và Đông Á. Việt Nam từ chỗ lúng túng ban đầu ở đầu thập niên 1990, mà có người cho là “ngả theo Trung Quốc” từ “Hội nghị Thành Đô” do chấn động của cú sốc đồng minh Liên Xô sụp đổ, đã từng bước lấy lại sự tỉnh táo và vị thế độc lập của mình. Người ta có thể thấy rõ lộ trình và chùm “dây rợ” của các mối quan hệ địa chính trị mà Việt Nam đang xác lập và theo đuổi:

(1) *Liên kết chặt chẽ với Trung Quốc trên cơ sở liên hệ địa chính trị mang tính định mệnh*: Quan hệ núi liền núi, sông liền sông với nước Trung Quốc khổng lồ có trên 1.400km đường biên giới chung trên lục địa; hàng nghìn km tiếp giáp biển trên Vịnh Bắc bộ; hàng triệu km vuông lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế với hàng chục đảo ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đang có tranh chấp mang tính sống còn. Tất cả đều đòi hỏi Việt Nam cần tăng cường mối quan hệ chiến lược trên tất cả các phương diện với Trung Quốc. Dựa trên quan hệ chiến lược đó, Việt Nam mới mong có cơ hội thương thảo với Trung Quốc để đòi lại và bảo vệ phần lợi ích lãnh thổ mà mình đang bị lấy mất hoặc đang bị đe dọa lấy mất. Một khi Việt Nam “ngoảnh mặt đi” với Trung Quốc, thì cơ hội “giáp mặt” đó khó có thể có được. Những liên hệ truyền thống về địa văn hoá, địa kinh tế của Việt Nam với người láng giềng vĩ đại Trung Quốc và những kinh nghiệm xương máu trong mối bang giao giữa hai nước càng làm cho nhu cầu gắn bó với Trung Quốc thêm mật thiết. Do vậy, chúng ta có thể thấy quan hệ Việt Nam với Trung Quốc thể hiện rõ một đặc trưng của quy tắc địa chính trị mà người phương Tây gọi là “Phần Lan hoá”: Sống bên cạnh một đại

quốc thì nước nhỏ bị hút vào quỹ đạo của đại quốc đó, tôn trọng ảnh hưởng tất nhiên của đại quốc đối với mình và không làm tổn hại hay đe dọa đến lợi ích của đại quốc.

(2) *Việt Nam tìm cách củng cố và tăng cường khả năng độc lập với Trung Quốc nói riêng và với các cường quốc khác nói chung thông qua các chính sách liên kết quốc tế “đa phương hoá, đa dạng hoá”*. Đây là biện pháp chính sách chủ đạo nhằm khắc phục được tình trạng cô lập và tính chất bất cân xứng về địa chính trị của quan hệ song phương với Trung Quốc. Xét một cách cụ thể, Việt Nam đã mở cánh cổng thành công hội nhập vào khối ASEAN và trở thành một trong vài thành viên chủ chốt của khối này (gia nhập ASEAN năm 1995). Cũng năm 1995, Việt Nam và Hoa Kỳ đã bình thường hoá quan hệ và năm 2000 hai nước đã ký Hiệp định Thương mại song phương, mở đường cho hàng hoá Việt Nam xâm nhập thị trường khổng lồ của nước Mỹ. Sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ song phương Việt-Mỹ từ đó đến nay đã đạt mức quan hệ đối tác chiến lược (tuy khái niệm này chưa được sử dụng chính thức) nhờ vào sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai bên và sự song trùng về lợi ích địa chiến lược ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Trong tương lai, mối quan hệ chiến lược này sẽ càng được tăng cường bằng việc Việt Nam được Mỹ hậu thuẫn gia nhập Hiệp ước Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) không có Trung Quốc.

(3) *Việt Nam nỗ lực hết mình trong tranh giành ảnh hưởng địa chính trị ở hai nước láng giềng và là đồng minh truyền thống Lào và Campuchia*. Xét trên phương diện địa chiến lược, lãnh thổ của Lào và Campuchia chính là

phên dậu, là tấm khiên che chắn phía sau lưng bảo đảm an ninh lãnh thổ của Việt Nam. Sự “xoay trục” của hai láng giềng này theo hướng lạnh nhạt dần với Việt Nam và hướng về Trung Quốc khiến cho Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn thực chất. *Trước hết* là Việt Nam không có đủ nguồn lực vật chất để tăng cường đầu tư vào Lào và Campuchia, có thể cạnh tranh với Trung Quốc<sup>(\*)</sup>. Do đó, không khó hiểu khi mà hai nước này tỏ rõ lập trường khác biệt với Việt Nam trên nhiều vấn đề, kể cả về vấn đề tranh chấp trên biển Đông. *Thứ hai*, các thế hệ lãnh đạo của hai nước bạn ngày càng được “trẻ hoá”, sẽ đến lúc trong ban lãnh đạo của họ không còn thế hệ “đồng cam cộng khổ”, “cùng chiến hào” với Việt Nam trong các cuộc chiến tranh giải phóng nữa. Khi đó động lực của quan hệ liên kết chủ yếu dựa trên lợi ích tiền bạc là cái mà Việt Nam rất thiếu. Tuy nhiên, hiện nay, hai nước vẫn ký với Việt Nam các thoả thuận song phương “không để cho nước thứ ba sử dụng lãnh thổ của mình để chống lại nước kia”.

(4) *Để lấy lại thế cân bằng chiến lược, Việt Nam nỗ lực tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với Liên bang Nga, Nhật Bản, Ấn Độ*. Tầm nhìn chiến lược của giới hoạch định chính sách ở Việt Nam hiện nay tập trung vào đối tác Nga. Nhìn trên bản đồ châu Á và thế giới, người ta có ấn tượng chỉ có nước Nga mới là đối thủ địa chiến lược thực sự “ngang sức ngang tài” với Trung Quốc. Hơn nữa, người Nga và người Việt đều có chung mối lo ngại vĩnh cửu về

(\*) Gần đây, Trung Quốc có kế hoạch giúp Lào xây dựng tuyến đường sắt trị giá tới trên 7 tỉ USD; Hệ thống hạ tầng ở Campuchia cũng được Trung Quốc đầu tư hàng chục tỉ USD.

khả năng “gây hấn” của Trung Quốc đối với an ninh lãnh thổ của mình. Tính chất “hai gọng kìm” của quan hệ Việt-Nga (Nga chặn ở phía Bắc và Việt Nam chặn ở phía Nam) với Trung Quốc vẫn còn nguyên giá trị. Hơn nữa, truyền thống sử dụng công nghệ quân sự ở Việt Nam phần lớn phụ thuộc vào nước Nga. Do đó, Việt Nam tìm thấy ở Nga nhà cung cấp đáng tin cậy về trang thiết bị quân sự với công nghệ cao, hiệu quả cao, đủ sức vượt qua Trung Quốc. Tuy nhiên, việc hai nước Việt Nam và Nga có thể đạt được một hiệp ước tương trợ an ninh như Hiệp ước năm 1978 giữa Việt Nam và Liên Xô vẫn là chuyện xa vời. Vì nước Nga thực dụng ngày nay không phải là Liên Xô tràn đầy “tinh thần chủ nghĩa quốc tế vô sản” vô tư như trong ký ức của một vài người Việt.

Với Nhật Bản, Việt Nam là một đối tác địa chiến lược lý tưởng ở khu vực Đông Nam Á. Trong con mắt lợi ích của Nhật Bản, Việt Nam một mặt là địa bàn trung tâm của khu vực Đông Nam Á, kết nối mọi tuyến giao thương, thậm chí sang tận Ấn Độ xa xôi sau khi các tuyến giao thông xuyên Á được hình thành. Mặt khác, Việt Nam với kinh nghiệm hàng ngàn năm chống bành trướng Trung Quốc thành công là một pháo đài vững chắc ngăn chặn sự bành trướng của Trung Quốc, chia lửa với Nhật Bản từ phía Nam, làm giảm sức ép và nguy cơ gây hấn từ Trung Quốc đối với họ. Các tình huống biển Đông cũng khiến Nhật Bản đặc biệt coi trọng và hỗ trợ Việt Nam mạnh mẽ để bảo đảm an toàn tuyến hàng hải sống còn qua đây để nuôi sống nền kinh tế phụ thuộc vào ngoại thương của Nhật Bản. Phía Việt Nam lại càng có lý do để tăng cường quan hệ chiến lược với Nhật Bản, cả về

kinh tế và an ninh quốc phòng trong cuộc cạnh tranh chiến lược sống còn với Trung Quốc.

Với Ấn Độ, tương tự như Nhật Bản, các lợi ích chiến lược trong xây dựng quan hệ với Việt Nam cũng dựa trên chiến lược cân bằng với Trung Quốc. Việt Nam cũng tìm thấy ở Ấn Độ một đồng minh có chung những mục tiêu địa chiến lược, trước hết là trong công cuộc bảo vệ an ninh và toàn vẹn lãnh thổ trước mối nguy cơ Trung Quốc. Hơn nữa trên phương diện công nghệ quân sự, Việt Nam có thể trông cậy một phần quan trọng vào khả năng của Ấn Độ, nhất là về tên lửa phòng thủ tầm trung, tàu ngầm, đào tạo sĩ quan hải quân.

#### IV. Kết luận

Có thể nói toàn bộ sự đa dạng của các kiểu quan hệ quốc tế từ góc nhìn địa chính trị và sự chuyển hoá qua các giai đoạn lịch sử là mang tính quy luật rõ rệt. Trật tự địa chính trị thế giới phần lớn là các trạng thái lưỡng cực và đa cực; tình huống đơn cực chỉ là nhất thời. Nó là trạng thái mà một vài siêu cường mong thiết lập, nhưng điều đó còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, đặc biệt là yếu tố bên trong của quốc gia và hệ giá trị mà nó theo đuổi. Hình thái *Đa phương - Lưỡng cực* là trạng huống mà đại đa số các quốc gia mong mỏi vì nó thể hiện sự cân bằng quyền lực giữa hai thế lực lớn nhất, tạo ra một trật tự địa chính trị tương đối ổn định, đáp ứng được quyền lợi của các quốc gia nhỏ yếu. Nhưng điều đó thật hiếm hoi và đòi hỏi các dân tộc phải cùng nỗ lực phấn đấu để tái cân bằng quyền lực (Power Re-balancing) một khi nó bị phá vỡ.

Thế giới địa chính trị đang ở pha chuyển động *Đơn cực > Đa cực > Lưỡng cực*. Việt Nam có vị trí địa chiến lược

hàng đầu ở Đông Nam Á, được nhiều cường quốc xa gần chú ý và mong muốn thiết lập quan hệ chiến lược. Thực tiễn sự xoay chuyển của cục diện địa chính trị thế giới sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc đã buộc Việt Nam phải nhanh chóng thích ứng và xây dựng, thực thi một chiến lược đối ngoại mềm dẻo, linh hoạt, hiệu quả. Tuy nhiên, những thách thức địa chính trị thực sự của Việt Nam *đường như bây giờ mới bắt đầu*, khi Trung Quốc đã trở thành một đại cường và không ngần ngại bộc lộ mục tiêu áp đặt quan điểm lợi ích lên các nước nhỏ trong khu vực, đặc biệt là Việt Nam, và ý đồ độc chiếm biển Đông - mặt tiền của ngôi nhà Việt Nam. Vì thế, Việt Nam cần có tầm nhìn xa, chính xác về sự xoay chiều của các hệ hình chuyển động địa chính trị trong thời đại ngày nay. Từ đó đề ra những quyết sách *nội trị ngoại giao* đúng đắn, trước hết là con đường dân chủ hoá xã hội, thắng lợi trong cuộc chiến chống tham nhũng, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia. Mặt khác cần lợi dụng “sức của người” để tăng thêm sức mạnh, đủ sức bảo vệ an ninh và toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng một xã hội dân chủ công bằng, văn minh theo chuẩn mực các nước dân chủ tiên tiến trên thế giới. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, trong quan hệ với Trung Quốc (mối lo định mệnh của Việt Nam), Việt Nam chỉ được Trung Quốc coi trọng khi Việt Nam trở thành một phần của phương Tây hoặc đi theo hệ giá trị của phương Tây. Nhưng sự lựa chọn cuối cùng vẫn chưa đến, cơ hội và thời gian không còn nhiều tính từ nay đến khi Trung Quốc thực sự “xưng bá” ở châu Á-Thái Bình Dương ở giữa thế kỷ XXI này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sở Thu Long, Cảnh Tần (chủ biên, 2003), *Hoa Kỳ, Trung Quốc và Thế giới*, Bắc Kinh.
2. William Thomas Allison, Mỹ và việc xây dựng trật tự quốc tế mới. *Thông tin Những vấn đề lý luận* (phục vụ lãnh đạo), Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, số 3/2012, tr.58-64.
3. Vũ Hồng Lâm (2006), “Việt Nam trong thế giới đa cực”, *Viet-Studies*, tháng 7/2006.
4. Vương Ân Vịnh... (1999), *Chính trị địa lý học. Giáo trình thế kỷ XXI*, Nxb. Cao đẳng Giáo dục xuất bản xã, Bắc Kinh.
5. Lương Văn Kế (2007), *Thế giới đa chiều. Lý thuyết và kinh nghiệm nghiên cứu khu vực*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
6. Nhập môn Khu vực học, Giáo trình, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2011.
7. Lương Văn Kế (2012), “Các quy tắc sử dụng sức mạnh tổng hợp quốc gia”, Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, tháng 8/2012.
8. Lương Văn Kế (2012), “Các hệ hình chuyển động địa chính trị”, Tạp chí *Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, tháng 8/2012.
9. Chuyển động địa chính trị ở biển Đông và lựa chọn của Việt Nam, Tạp chí *Lý luận chính trị*, tháng 10/2012.
10. “Lý thuyết Sức mạnh mềm và nhận diện sức mạnh mềm Trung Quốc: Một số khía cạnh phương pháp luận”, Báo cáo tại Hội thảo khoa học Việt-Nga, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, tháng 11/2012.